

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 16/11/2022

"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Thanh Tuấn

Ông Nguyễn Văn Lâm

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Bùi Thị Hậu- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 13/2022/TLPT-HNGĐ ngày 10/10/2022, về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 16/2022/HNGĐ- ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXPT – HNGĐ ngày 31/10/2022 giữa:

1. Nguyên đơn : Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Ngọc L, xã Song L, huyện Thuận T, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bị đơn : Anh Trịnh Minh V, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: KDC Vũ An, phường Phạm T, thị xã Kinh M, tỉnh Hải Dương

3. Người kháng cáo : Anh Trịnh Minh V (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:***

- Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Trịnh Minh V kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Song L, huyện Thuận T, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 06/11/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung

sống tại xã Song L, huyện Thuận T, đến tháng 12/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng kể từ tháng 01/2020, anh V đã về quê ở Hải Dương sinh sống dẫn đến vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi. Từ thời điểm vợ chồng sống ly thân, anh V không có trách nhiệm gì với gia đình. Chị và anh V đã nhiều lần nói chuyện với nhau, tuy nhiên cả hai đều không tìm được tiếng nói chung. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh V không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

- Về con chung: Chị và anh V có một con chung là Trịnh Bảo A - sinh ngày 01/6/2018, từ nhỏ con ở với chị. Đến tháng 02/2022 chị cho cháu về thăm ông bà nội dịp tết nguyên đán, sau đó chị về đón con nhưng gia đình anh V không đồng ý cho đón, hiện tại cháu đang ở với anh V. Do cháu Bảo A còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ, anh V thường đi làm ít về nhà, công việc thu nhập của chị từ 8.000.000 đồng - 9.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện đảm bảo nuôi dưỡng con chung nên khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn anh Trịnh Minh V trình bày:***

- Về quan hệ vợ chồng: Về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn anh V khai như chị T trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng gần 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng khác nhau về chuẩn mực đạo đức xã hội, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị T đã ở lại quê của bố, mẹ đẻ, còn anh chuyển về quê ở Hải Dương sinh sống. Anh đã nhiều lần động viên chị T về đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý, vợ chồng sống ly thân đến nay đã gần 3 năm. Nay chị T có đơn xin ly hôn với anh, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

- Về quan hệ con chung: Anh và chị T có một con chung là cháu Trịnh Bảo A- sinh ngày 01/6/2018. Anh V xác định, từ thời điểm mâu thuẫn vợ chồng cháu An do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Từ tháng 2/2022, cháu A do gia đình anh nuôi dưỡng, mặc dù chị T đã nhiều lần về đón con nhưng anh không cho đón. Nay, chị T có đơn xin ly hôn, anh có nguyện vọng xin được nuôi con, yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh là 2.000.000 đồng/tháng. Trường hợp chị T được giao nuôi dưỡng con chung thì anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu A trưởng thành, đủ 18 tuổi, tuy nhiên anh chỉ nhất trí cho chị T đón con từ đầu năm 2023. Trong trường hợp chị T kết hôn thì nguyện vọng của anh là đưa cháu Bảo A về cho anh và gia đình anh chăm sóc, nuôi

dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 16/2022/HNGĐ- ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn đã căn cứ Điều 51, 56; 81, 82, 83, 107 và 110 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2010 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trịnh Minh V.

- Về con chung: Giao cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Trịnh Bảo A, sinh ngày 01/6/2018 thời gian kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh V cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ 6/2022 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/7/2022 anh Trịnh Minh V có đơn kháng cáo với nội dung anh đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét về thời gian giao con, về việc cấp dưỡng nuôi con, về trách nhiệm của chị T trong việc dạy dỗ và nuôi dưỡng cháu Bảo A.

Tại phiên tòa, anh V vắng mặt ( có đơn xin xét xử vắng mặt).

Chị T có quan điểm không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh V. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ điều kiện thực tế của anh V và chị T cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Bảo A cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Trên cơ sở anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đồng/1 tháng, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận sự tự nguyện của anh V là

có căn cứ. Đối với yêu cầu khác của anh V về việc đón con, chăm sóc con là do sự thỏa thuận của các bên. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh V. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh V, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Anh V phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xác minh thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Trịnh Minh V kháng cáo trong thời gian luật định, nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của anh Trịnh Minh V, Hội đồng xét xử thấy: Theo nội dung đơn kháng cáo của anh V thể hiện, anh đồng ý với việc Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Bảo A cho chị T nuôi dưỡng, tuy nhiên anh yêu cầu thời gian đón con phải từ ngày 10/01/2023 (Âm lịch), việc đón con phải có biên bản bàn giao trước sự chứng kiến của hai biên gia đình; Đề nghị cấp phúc thẩm quy định rõ trách nhiệm của chị T khi nuôi con, chị T phải có trách nhiệm dạy dỗ con, không được đánh đập con...Hội đồng xét xử thấy, chị T là người được giao nuôi dưỡng cháu Bảo A, theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con, chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội.* Do vậy việc chăm sóc, giáo dục con vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của chị T. Trong quá trình chị T nuôi dưỡng cháu Bảo A, nếu chị T không đảm bảo được nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì anh V có quyền làm đơn thay đổi nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của anh V về quyền thăm gặp, đón con vào những ngày lễ tết ... là thỏa thuận riêng của anh V và chị T, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về việc cấp dưỡng tiền nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị T, anh V đều có nguyện vọng được nuôi con, trường hợp anh V không được nuôi con, anh V tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị T là 2.000.000đồng/1 tháng. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận sự tự nguyện của anh V về việc cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị T 2.000.000đồng/tháng kể từ tháng 6/2022 là có căn cứ.

Từ phân tích trên cho thấy các nội dung kháng cáo của anh V là không có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] về án phí: Anh V kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.*

Không chấp nhận kháng cáo của anh Trịnh Minh V. Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 16/2022/HNGĐ-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn về phần nuôi con chung như sau:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Trịnh Bảo A, sinh ngày 01/6/2018. Thời gian giao nuôi dưỡng con chung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh V cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T 2.000.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ 6/2022 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

*Kể từ ngày chị T yêu cầu thi hành án, nếu anh V chậm thi hành số tiền cấp dưỡng trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.*

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trịnh Minh V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng phí phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2020/0001412 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Anh V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Bản án Hôn nhân gia đình phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKS tỉnh Hải Dương;
- TAND thị xã Kinh M
- Chi cục THA dân sự thị xã Kinh M
- Các Đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**